

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Áp lực bán cuối phiên kéo VN-Index đóng cửa dưới tham chiếu sau một ngày giao dịch trong vùng 1,473-1,475 điểm. Kết phiên VN-Index đóng cửa tại 1,460.65 điểm, giảm 9.77 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 5/18 ngành tăng điểm, trong đó dẫn đầu đà giảm là ngành Bất động sản, ở chiều ngược lại, ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Hiện tại, thị trường đang hình thành bộ nền cho dấu hiệu điều chỉnh sau khi phản ứng với vùng kháng cự 1475, nhà đầu tư cần cẩn trọng giao dịch trong các phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 15/07/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-9.77** điểm, đóng cửa tại **1460.65** điểm. HNX-Index **+0.72** điểm, đóng cửa tại **240.33** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GEE (+0.63)**, **GEX (+0.50)**, **LPB (+0.47)**, **SSI (+0.36)**, **OCB (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.93)**, **VHM (-1.33)**, **VIC (-1.26)**, **BID (-0.89)**, **GVR (-0.51)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **32,206** tỷ đồng, tăng **10.09%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 34,775 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 16.16 điểm. Thị trường có **136** mã tăng, 45 mã tham chiếu, **190** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1106.33** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (246.52 tỷ)**, **FUEVFNVD (231.21 tỷ)**, **DXG (203.73 tỷ)**, **GEX (169.78 tỷ)**, **VPB (157.51 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **49.55** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.53%**. Các mã diễn biến tích cực:
SSI (+2.52%)
MSB (+1.54%) [\(Link báo cáo\)](#)
HCM (+1.00%)
- BSC50 **-0.40%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDC (+6.85%)
GEX (+5.67%) [\(Link báo cáo\)](#)
OCB (+3.05%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.53%	-0.40%	-0.66%	-0.74%
1 tuần	2.11%	1.77%	3.19%	4.22%
1 tháng	10.37%	10.09%	11.03%	13.75%
3 tháng	24.93%	23.67%	20.68%	23.24%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,460.65	240.33	103.03
% 1D	-0.66%	0.30%	0.35%
GTKL (tỷ VND)	32,206	2,669	838
%1D	10.09%	18.08%	6.70%
GDNN (tỷ VND)	1106.33	49.55	-30.03

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	246.52	GMD	-92.82
FUEVFNVD	231.21	VCI	-76.96
DXG	203.73	TCH	-72.33
GEX	169.78	HAH	-65.81
VPB	157.51	VHM	-56.81

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

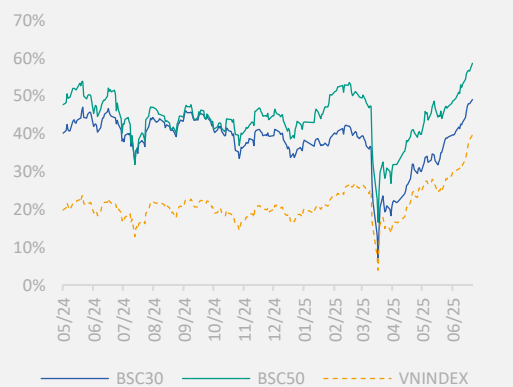
		%D	%W
SPX	6,269	0.14%	0.62%
FTSE100	8,999	0.01%	1.63%
Eurostoxx	5,392	0.60%	0.46%
Shanghai	3,505	-0.42%	0.22%
Nikkei	39,678	0.55%	-0.05%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.89	-0.36%
Giá vàng	3,363	0.28%
Tỷ giá		
USD/VND	26,310	0.08%
EUR/VND	31,282	0.02%
JPY/VND	181	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.4%	0.00%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GEE	105.90	6.97%	0.63	0.37
GEX	41.95	5.67%	0.50	0.90
LPB	33.50	1.98%	0.47	2.99
SSI	30.50	2.52%	0.36	1.97
OCB	13.50	3.05%	0.24	2.47

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	68.90	5.19%	0.70	0.30
SHS	15.00	2.04%	0.18	0.89
DTK	12.50	1.63%	0.09	0.68
CDN	32.90	3.79%	0.08	0.10
IPA	15.20	3.40%	0.07	0.21

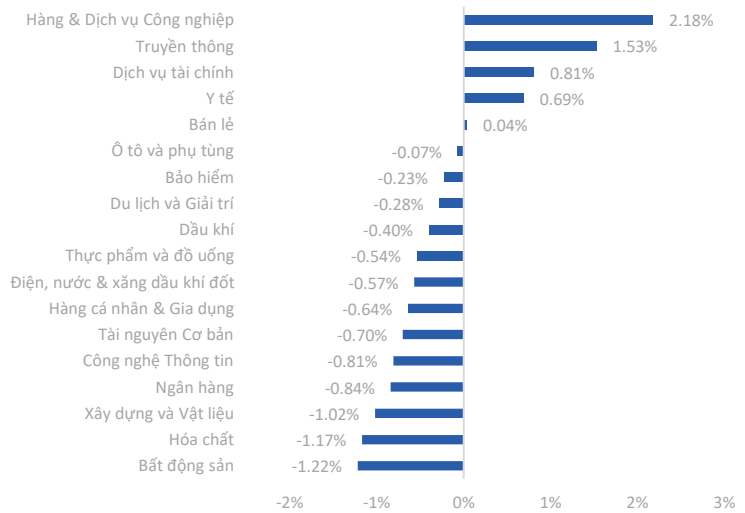
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCA	10.40	7.00%	0.00	0.02
PTL	3.22	6.98%	0.01	0.21
GEE	105.90	6.97%	0.63	0.43
BBC	66.30	6.94%	0.02	0.00
FUCVREIT	6.80	6.92%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NST	13.00	9.24%	0.05	0.00
AME	8.60	8.86%	0.19	0.00
MBG	3.70	8.82%	0.15	1.89
VE1	3.80	8.57%	0.01	0.03
SFN	21.50	8.04%	0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	61.40	-1.60%	-1.93	8.36
VHM	87.40	-1.58%	-1.33	4.11
VIC	111.60	-1.24%	-1.26	3.88
BID	38.10	-1.42%	-0.89	7.02
GVR	30.10	-1.79%	-0.51	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	29.10	-1.36%	-0.15	0.57
CEO	18.90	-2.07%	-0.14	0.54
HUT	13.70	-1.44%	-0.11	0.89
NVB	14.80	-0.67%	-0.08	1.17
PVS	33.10	-0.60%	-0.06	0.48

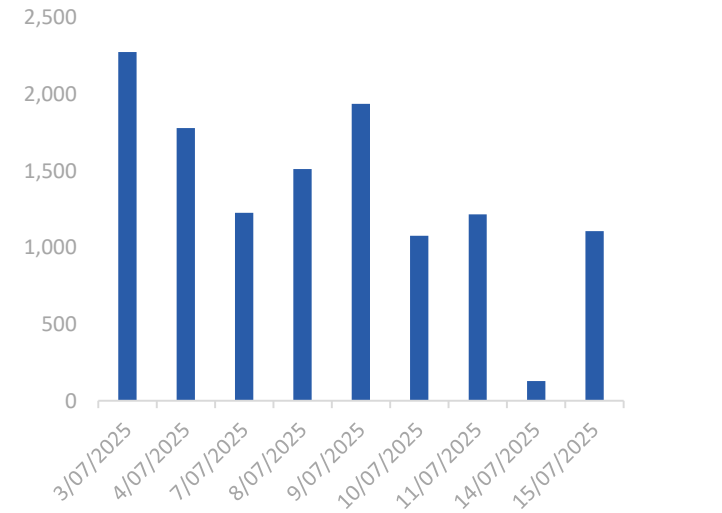
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CCI	22.20	-6.13%	-0.01	0.01
FUCTVGF3	15.80	-5.95%	0.00	0.00
TDH	4.56	-5.20%	-0.01	0.42
SMA	9.52	-4.80%	0.00	0.00
VNE	5.52	-3.66%	0.00	0.48

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HKT	9.10	-9.90%	-0.02	0.00
TTL	9.00	-9.09%	-0.13	0.00
CMC	8.40	-8.70%	-0.01	0.00
NFC	50.30	-8.55%	-0.26	0.00
BPC	10.20	-8.11%	-0.01	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	69.3	0.4%	1.4	102,024	839.4	2,976	23.2		48.7%	
KBC	Bất động sản	28.1	-0.9%	1.4	26,699	138.9	1,608	17.6		18.8%	
KDH	Bất động sản	31.2	-0.2%	1.3	31,598	200.6	896	34.9		34.7%	
PDR	Bất động sản	19.4	-1.3%	1.7	17,827	315.3	179	109.6	23,600	10.2%	Link
VHM	Bất động sản	87.4	-1.6%	1.0	364,738	395.9	7,766	11.4	81,300	10.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	126.0	-0.9%	0.9	188,277	723.2	5,610	22.7	136,500	41.1%	Link
BSR	Dầu khí	18.5	-0.3%	0.0	57,359	92.6	(37)	(503)		0.3%	
PVS	Dầu khí	33.1	-0.6%	1.5	15,916	231.4	2,303	14.5	38,600	12.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.3	1.0%	1.5	26,999	693.8	1,354	18.5		39.8%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.5	2.5%	1.3	58,663	1936.8	1,545	19.3		40.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	40.9	-1.8%	1.4	30,096	1054.3	1,602	26.0		29.9%	
DCM	Hóa chất	34.2	0.4%	1.4	18,026	219.4	2,805	12.1	37,800	4.8%	Link
DGC	Hóa chất	102.4	-1.4%	1.4	39,459	449.6	8,224	12.6	109,300	15.0%	Link
ACB	Ngân hàng	22.5	-1.1%	0.8	116,602	353.1	3,224	7.0	30,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	38.1	-1.4%	0.8	271,376	223.0	3,643	10.6	47,000	17.5%	Link
CTG	Ngân hàng	44.2	-0.3%	1.1	237,891	326.7	4,806	9.2	50,000	27.3%	Link
HDB	Ngân hàng	24.2	-1.0%	1.1	85,279	1066.3	3,985	6.1	26,400	16.9%	Link
MBB	Ngân hàng	26.6	-0.8%	1.0	163,541	577.4	4,049	6.6	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	13.2	1.5%	1.0	33,670	257.0	2,150	6.0	14,000	27.9%	Link
STB	Ngân hàng	47.7	-0.5%	1.0	90,396	475.9	5,767	8.3		20.1%	
TCB	Ngân hàng	34.8	-0.9%	1.1	247,976	951.0	3,013	11.7	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.8	-1.0%	1.0	39,365	321.5	2,383	6.3	-	24.0%	Link
VCB	Ngân hàng	61.4	-1.6%	0.8	521,394	400.4	4,063	15.4	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	19.4	-0.3%	0.9	57,795	359.5	2,400	8.1	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	20.8	-1.2%	1.0	166,612	1048.1	2,030	10.3	24,000	25.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.5	-1.0%	1.4	197,643	1241.2	1,628	15.8	35,800	22.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.9	0.9%	1.7	11,022	321.3	749	23.7	16,800	8.0%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	33.6	-1.5%	1.5	11,412	292.6	3,930	8.7	32,200	6.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	74.5	-1.1%	1.3	108,308	705.7	1,518	49.6	82,500	25.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.1	-0.3%	0.6	126,024	397.4	4,194	14.4	64,500	48.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.0	-1.35%	1.5	9,775	183.9	2,098	21.3	26.4%		Link
FRT	Bán lẻ	188.9	-0.84%	0.7	25,954	148.6	3,279	58.1	31.9%		Link
BVH	Bảo hiểm	53.8	-0.19%	1.0	40,011	35.4	2,975	18.1	27.3%		
DIG	Bất động sản	18.4	-1.87%	1.6	12,121	437.5	303	61.9	4.0%		
DXG	Bất động sản	18.6	1.92%	1.7	18,544	738.3	310	58.8	24.4%		Link
HDC	Bất động sản	29.7	6.85%	1.5	4,949	513.4	443	62.7	3.0%		
HDG	Bất động sản	25.8	0.19%	1.4	9,508	163.4	762	33.7	17.4%		Link
IDC	Bất động sản	46.3	-0.22%	1.6	15,312	69.9	4,982	9.3	19.6%		
NLG	Bất động sản	39.7	1.80%	1.6	14,999	200.7	1,827	21.3	47.6%		Link
SIP	Bất động sản	61.8	-0.64%	1.4	15,059	43.2	5,282	11.8	4.0%		
SZC	Bất động sản	37.2	-1.20%	1.4	6,776	91.6	2,036	18.5	2.6%		Link
TCH	Bất động sản	24.0	-3.62%	1.5	16,605	281.3	1,279	19.4	11.9%		Link
VIC	Bất động sản	111.6	-1.24%	1.1	432,074	367.1	2,823	40.0	6.8%		
VRE	Bất động sản	28.2	-1.75%	1.0	65,102	131.4	1,844	15.5	18.2%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.8	-0.48%	1.3	8,875	68.1	1,650	25.5	36.2%		Link
PLX	Dầu khí	37.3	-0.53%	1.1	47,647	56.7	1,535	24.4	17.1%		Link
PVD	Dầu khí	20.4	-0.49%	1.3	11,396	164.2	1,246	16.5	3.7%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	41.2	-1.56%	1.7	14,484	391.7	1,648	25.4	27.7%		
MBS	Dịch vụ tài chính	29.1	-1.36%	1.6	16,897	338.3	1,650	17.9	5.9%	12.1%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.7	-0.73%	1.0	159,770	54.6	4,543	15.0	1.9%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.7	-1.79%	1.3	32,669	175.1	546	25.5	3.3%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	68.6	0.15%	0.9	37,104	70.0	3,922	17.5	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	97.5	-1.52%	0.7	58,570	184.6	2,760	35.9	11.3%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.0	5.67%	1.8	35,825	1448.5	1,954	20.3	8.0%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.9	-1.86%	1.2	24,791	221.2	3,797	15.5	41.5%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.9	-1.88%	1.2	8,989	418.5	5,594	12.4	5.0%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.0	-0.83%	1.2	8,529	48.9	2,293	7.9	9.3%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	125.3	1.21%	0.0	15,077	220.1	3,235	38.3	5.6%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.7	-1.03%	1.1	29,600	59.5	6,105	14.4	48.9%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	31.5	0.32%	1.0	3,512	59.3	2,608	12.0	50.0%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.6	-0.48%	1.6	2,538	37.0	2,580	8.0	17.1%		Link
DPM	Hóa chất	38.1	1.47%	1.3	15,262	226.4	1,223	31.9	7.7%		Link
GVR	Hóa chất	30.1	-1.79%	1.6	122,600	125.0	1,174	26.1	0.9%		
EIB	Ngân hàng	24.6	-2.77%	1.0	47,127	616.4	1,856	13.6	5.2%		Link
LPB	Ngân hàng	33.5	1.98%	0.3	98,132	181.2	3,333	9.9	0.8%		
NAB	Ngân hàng	14.7	-1.01%	0.0	25,392	30.7	2,239	6.6	1.9%		
OCB	Ngân hàng	13.5	3.05%	1.0	32,302	124.7	1,189	11.0	19.5%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.2	0.35%	1.7	6,311	342.2	1,122	12.6	4.9%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	22.3	-0.89%	1.6	5,991	81.1	612	36.8	3.1%		
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.7	-0.88%	0.6	10,337	80.0	1,375	24.7	3.4%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.1	0.10%	0.8	61,563	107.8	3,217	14.9	58.8%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.7	0.00%	1.2	12,951	65.9	5,567	10.4	22.8%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	141.9	-1.46%	0.8	11,788	20.9	13,288	10.8	85.8%		Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.5	-1.65%	1.5	8,611	89.9	3,236	26.2	48.6%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	101.5	-0.39%	1.3	11,656	90.8	4,754	21.4	9.7%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.8	-2.28%	1.6	4,415	52.4	2,336	18.8	6.9%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.9	-0.77%	1.4	6,159	177.2	1,083	12.0	9.8%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.7	-1.09%	1.2	8,190	76.8	1,237	18.5	14.8%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.9	-1.30%	1.2	14,966	236.0	915	25.3	7.7%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.0	-1.50%	1.5	20,916	60.8	2,720	17.2	5.5%		

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_ Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_ Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
3	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_ Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
8	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
9	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
10	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>